

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 55/2020/HS-ST
Ngày 06-05-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Việt Thu

Bà Nguyễn Thị Kim Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hoàng Diệp - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 05 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/2020/TLST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Việt B - sinh năm 1970, tại tỉnh Phú Thọ; Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 3, khu A, thị trấn C, huyện P, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B (đã chết) bà Nguyễn Thị L; có vợ là Đỗ Thị L1 và 02 con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10/02/2020 đến ngày 13/02/2020 chuyển tạm giam, hiện bị can đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ, có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Chị Đỗ Thị L1- sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ 3, khu A, thị trấn C, huyện P, tỉnh Phú Thọ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 50 phút ngày 10/02/2020, tại khu 6, xã H, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Tổ công tác của Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an thành phố Việt Trì đã phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội của tang đối với Nguyễn Việt B – sinh năm 1970, đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 3, A, thị trấn C, huyện P, tỉnh Phú Thọ có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy mục đích để sử dụng. Vật chứng thu giữ 01 gói giấy mật ngoài màu vàng, mặt trong màu trắng bên trong có chứa chất bột cục màu trắng, B khai đây là ma túy heroine, mục đích để sử dụng. Tổ công tác đã niêm phong vật chứng trên theo quy định của pháp luật. Ngoài ra thu giữ của B: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu vàng đen đã cũ số imei 1: 810123600075960, số imei 2: 810124600075960 kèm 02 sim trong máy là 0969855326 và 0918115769 và 01 xe mô tô nhãn hiệu WaveAlpha BKS 19P1-241.89, số máy HC12F-7393198, số khung RLHHC1252FY393194.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định số chất bột, cục màu trắng thu giữ của Nguyễn Việt B. Tại bản kết luận giám định số 250/KLGĐ ngày 15/02/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ kết luận:

“Mẫu chất bột, cục màu trắng gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,152gam, loại: Heroine.

**Heroin là chất ma túy nằm trong Danh mục I, số thứ tự 9, Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính Phủ.”*

Hoàn trả lại 0,105gam chất bột, cục màu trắng cùng toàn bộ bao gói gửi đến giám định.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Việt B đã khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 15 giờ, ngày 10/02/2020 B đang ở nhà thuộc tổ 3, khu A, thị trấn C, huyện P, tỉnh Phú Thọ, thì Dương Quang C1 sinh năm 1983, nhà ở tại khu Đồng Giao, thị trấn C, huyện P, tỉnh Phú Thọ gọi điện từ số điện thoại 0941195543 đến số điện thoại của B là 0918115769 để rủ B đi xuống khu vực công phụ khu di tích lịch sử Đền Hùng thuộc khu 6, xã Hy Cương, thành phố Việt Trì để đón C1 và C1 đưa ma túy cho B để B sử dụng. Khi đến địa điểm đã hẹn B gặp C1, tại đây C1 đưa cho B 01 gói ma túy có đặc điểm gói bằng giấy mật ngoài màu vàng, mặt trong màu trắng bên trong có chứa chất bột cục màu trắng là ma túy heroin. B cầm gói ma túy C1 đưa rồi ngậm gói ma túy vào trong miệng với mục đích mang về để sử dụng. Khi B đi được một đoạn thì bị Tổ công tác của Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an thành phố Việt Trì phát hiện, kiểm tra, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang như đã nêu trên.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố.

Bản Cáo trạng số: 57/CT-VKS-VT ngày 17 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo Nguyễn Việt B về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố, không bổ sung hoặc thay đổi nội dung cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Việt B phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” .

Về hình phạt chính: Áp dụng điểm c, khoản 1, 5 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Việt B từ 18 (mười tám) tháng đến 21 (hai mươi một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/02/2020.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự thì bị cáo có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay xác định bị cáo không có tài sản gì khác ngoài 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu vàng đen đã cũ số imei 1: 810123600075960, số imei 2: 810124600075960 đã thu giữ của bị cáo, nên cần tịch thu chiếc điện thoại trên sung vào ngân sách nhà nước.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

-Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 bì niêm phong có số 250/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ hoàn trả mẫu vật sau giám định, bên trong có chứa 0,152gam chất bột, cục màu trắng.

+ Tịch thu tiêu hủy của bị cáo B 02 sim trong máy điện thoại đã thu giữ của Tiến số 0969855326 và 0918115769;

- Xác nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Việt Trì đã trả lại chiếc xe máy nhãn hiệu WaveAlpha BKS: 19P1- 241.89 trên cho chủ sở hữu chị Đỗ Thị Liên là hợp pháp.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm a,c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, bị cáo ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố Việt Trì, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố Tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng đã được tổng đạt cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đúng thời hạn do pháp luật quy định nên các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Đỗ Thị L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét thấy quá trình điều tra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã có lời khai đầy đủ, đã trình bày ý kiến của mình về các vấn đề có liên quan trong vụ án nên sự vắng mặt tại phiên tòa của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là không vi phạm các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung:

Đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Việt B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, thừa nhận nội dung cáo trạng truy tố là đúng.

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay đều thống nhất, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở để kết luận: Hồi 15 giờ 50 phút ngày 10/02/2020, tại khu 6, xã Hy Cương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Nguyễn Việt B có hành vi tàng trữ trái phép 0,152 gam ma túy loại Heroine mục đích để sử dụng thì bị Tổ công tác của Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an thành phố Việt Trì phát hiện, bắt quả tang và thu giữ vật chứng.

Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, nội dung điều luật quy định:

Tại Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a...

b...

c, Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;”.

Về tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, gây hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội tại địa phương.

Bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện nên bị cáo phải chịu hậu quả về hành vi phạm tội của mình.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng cho bị cáo: Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Xét thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Do đó, cần thiết phải xử phạt bị cáo nghiêm khắc bằng hình phạt tù, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội do bị cáo gây ra mới có tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ một phần mức hình phạt tù cho bị cáo thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật đối với người phạm tội.

- Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự: *“5. Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.* Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay xác định bị cáo không có tài sản gì khác có giá trị ngoài ngoài 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu vàng đen đã cũ số imei 1: 810123600075960, số imei 2: 810124600075960 đã thu giữ của bị cáo, nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Về vật chứng của vụ án:

- Ma túy là vật nhà nước cấm lưu hành, vì vậy cần tịch thu tiêu hủy: 01 bì niêm phong có số 250/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Phú Thọ hoàn trả mẫu vật sau giám định, bên trong có chứa 0,152 gam chất bột, cục màu trắng.

- Đối với 02 sim trong máy điện thoại đã thu giữ của B số 0969855326 và là những vật không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

- Xác nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Việt Trì đã trả lại chiếc xe máy nhãn hiệu WaveAlpha BKS: 19P1- 241.89 trên cho chị Đỗ Thị L1 là hợp pháp vì tài sản trên thuộc quyền sở hữu của chị L1 và không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo B.

Về nguồn gốc số Ma túy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận Dương Quang C1 cho bị cáo ma túy để sử dụng, Cơ quan điều tra đã tiến hành triệu tập lấy lời khai và cho tiến hành đối chất nhưng C1 không thừa nhận đã đưa ma túy cho B như B đã khai. Mặt khác ngoài lời khai của B thì không có chứng cứ nào khác nên không có căn cứ để xử lý đối với Dương Quang C1 là phù hợp.

[3] *Về án phí:* Bị cáo Nguyễn Việt B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1, 5 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Việt B phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Nguyễn Việt B 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/02/2020.

Về hình phạt bổ sung: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobell màu vàng đen đã cũ số imei 1: 810123600075960, số imei 2: 810124600075960 của bị cáo B.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/3/2020 giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố Việt Trì và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Việt Trì).

2. *Về vật chứng vụ án:*

-Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 bì niêm phong có số 250/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự- Công an tỉnh Phú Thọ hoàn trả mẫu vật sau giám định, bên trong có chứa 0,152gam chất bột, cục màu trắng.

+ 02 sim trong máy điện thoại đã thu giữ của B số 0969855326 và 0918115769;

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/3/2020 giữa Cơ quan CSĐT Công an thành phố Việt Trì và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Việt Trì).

- Xác nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Việt Trì đã trả lại chiếc xe máy nhãn hiệu WaveAlpha BKS: 19P1- 241.89 trên cho chị Đỗ Thị L1 là hợp pháp.

(Theo biên bản trao trả tài sản ngày 27/2/2020).

3. Về án phí:

Buộc bị cáo Nguyễn Việt B phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ;
- CA TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ;
- UBND TT C, huyện P, Phú Thọ;
- Bị cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Thanh Huyền